

* * * *

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 30/5/2019.

V/v: Tranh chấp HNGĐ:

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tưởng Ngọc Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hữu Trọng**

2. Bà **Nguyễn Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Tô Mạnh Hà**, thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Hồng** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/5/2019 tại Trụ sở TAND huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2019 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1974. Đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm 1, thôn Phương Bản, xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1972. Đăng ký HKTT và cư trú: Xóm 1, thôn Phương Bản, xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai của chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1972 tại UBND xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ vào ngày 24/9/2001 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, xuất phát từ việc quan điểm sống, lối sống luôn bất đồng, anh N không chăm lo, quan tâm đến vợ con. Vợ chồng anh chị sống ly thân nhau từ

tháng 02/2019 đến nay không ai hỏi han đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình Hải N, sinh năm 2002 và cháu Nguyễn Đình T, sinh năm 2006. Nếu được ly hôn chị xin nuôi con chung và không yêu cầu anh N phải đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đình N xác nhận và trình bày: Anh có đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 tại UBND xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ vào ngày 24/9/2001 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có những mâu thuẫn bất hòa xuất phát từ việc quan điểm sống, lối sống. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn thì anh nhất trí vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình Hải N, sinh năm 2002 và cháu Nguyễn Đình T, sinh năm 2006. Nếu ly hôn anh xin được nuôi hai con chung, không yêu cầu đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay chị L vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, anh N vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự, tạo điều kiện cho các bên được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L. Về hôn nhân xử chị L được ly hôn với anh N. Về con chung: Giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu N cho anh Nn trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L và anh N đến khi có thay đổi khác. Chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị L đã làm đơn khởi kiện theo mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa chị L và anh N trên cơ sở có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không bảo ban

được nhau, vợ chồng có quá nhiều điểm bất đồng trong lối sống, quan điểm sống, vợ chồng anh chị cũng có thời gian sống ly thân. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị L và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị L có đơn đề nghị ly hôn với anh N là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình Hải N, sinh năm 2002 và cháu Nguyễn Đình T, sinh năm 2006. Khi ly hôn chị L, anh N đều xin được nuôi con chung. Xét yêu cầu của các bên đều chính đáng. Tuy nhiên vợ chồng anh N, chị L có hai con chung, mặt khác cháu N cũng đã lớn và tự lập được nên cần giao cháu N cho anh N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, đối với cháu T còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ, do vậy giao cháu T cho chị L được chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L và anh N đến khi có yêu cầu khác. Chị L, anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[4.] Về tài sản chung: Chị L, anh N đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử thì chị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Đình N.

Về con chung: Xác nhận chị L, anh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình Hải N, sinh năm 2002 và cháu Nguyễn Đình T, sinh năm 2006. Giao cháu N cho anh N và giao cháu T cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành hoặc đến khi có thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L và anh N đến khi có yêu cầu khác. Chị L, anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đều thừa nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0003968 ngày 04/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự báo chị L, anh N biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THA huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trưởng Ngọc Tuấn